

Bản án số: 33/2021/DS-PT.
Ngày: 11-3-2021
“*Tranh chấp đòi tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hương**;

Các Thẩm phán: Bà **Ngô Thị Minh Trang**;

Ông **Lê Lâm Sơn**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc Mỹ** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thùy** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2020 về “*Tranh chấp đòi tài sản*”.

Do Bản án sơ thẩm số: 37/2020/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2020/QĐPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Thị L**, sinh năm 1939

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của bà Thị L: Luật sư Nguyễn Trần Thụy Q thực hiện trợ giúp pháp lý theo Quyết định 410/QĐ-TTTGP ngày 24/12/2020 của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông **Danh L1**, sinh năm 1973

Khu phố 2, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Do có kháng cáo của nguyên đơn bà Thị L.

Bà L, Luật sư Q có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Thị L trình bày:***

Vào năm 2003, bà L có tranh chấp quyền sử dụng đất với 09 hộ dân tại địa phương, vụ việc đang trong thời gian chờ cơ quan giải quyết thì ông Danh L1 lợi dụng bà L cao tuổi đi lại khó khăn và là người dân tộc nói tiếng Việt không rành nên ông L1 đến làm quen và nói giúp bà L chạy lo giấy tờ. Ông L1 đã nhiều lần kêu bà L đưa tiền để làm giấy tờ đất.

Các lần đưa tiền cho ông L1 bà L không nhớ cụ thể về thời gian mà chỉ nhớ đưa tiền nhiều lần cho ông L1 như sau:

- Lần thứ nhất: Ông L1 kêu bà đưa số tiền 15.000.000 đồng.
- Lần thứ hai: Cách lần thứ nhất vài ngày, ông L1 kêu đưa thêm 20.000.000 đồng.
- Lần thứ ba: Cách lần thứ nhất một tháng, ông L1 kêu đưa thêm 30.000.000 đồng để làm đơn lên tỉnh.
- Lần thứ tư: Cách lần thứ ba vài ngày, ông L1 kêu đưa thêm 40.000.000 đồng.
- Lần thứ năm: Cách lần thứ tư một tháng, ông L1 kêu đưa thêm 40.000.000 đồng.
- Lần thứ sáu: Ông L1 kêu bà đưa thêm 111 chỉ vàng 24K (đây là số tiền bà L bán đất cho ông Đặng Khương).
- Lần thứ bảy: Ông L1 kêu đưa 200.000.000 đồng (đây là số tiền bán đất cho ông Hoàng Nam).
- Lần thứ tám: Đến năm 2008, ông L1 kêu đưa thêm 100.000.000 đồng.
- Lần thứ chín: Đưa 5.000.000 đồng.
- Lần thứ mười: Đến ngày 02/01/2009, thì ông L1 nhận thêm 15.000.000 đồng.

Khi nhận tiền, vàng ông L1 đe dọa không cho bà L được nói với ai. Tổng cộng ông L1 đã nhận của bà L số tiền 429.000.000 đồng và 111 chỉ vàng 24K.

Bà L xác định trong các lần đưa tiền và vàng cho ông L1 giữa hai bên chỉ đưa tay cho nhau, không làm giấy tờ, biên nhận và cũng không ai chứng kiến.

Sau đó, ông L1 không thực hiện được việc đòi đất cho bà L nên bà L đã làm đơn tố cáo đến Công an tỉnh Kiên Giang. Tại cơ quan Công an tỉnh, ông L1 thừa nhận có nhận của bà L 30.000.000 đồng và 08 chỉ vàng 24K, bà không

đồng ý nhận nhưng ông S và cán bộ Công an tỉnh kêu nhận và còn ra Tòa án nữa nên bà L mới đồng ý lấy số tiền, vàng ông L1 trả.

Nay bà L yêu cầu ông Danh L1 trả cho bà số tiền 429.000.000 đồng và 111 chỉ vàng 24K.

****Bị đơn ông Danh L1 trình bày:***

Trước đây ông L1 có đi khiếu kiện đất đai của gia đình và bà L cũng khiếu kiện đất nên ông có gặp bà L và quen biết với bà L. Do việc đi thưa kiện tốn phí và thiếu tiền nên ông L1 có hỏi mượn của bà L hai lần tổng số 08 chỉ vàng 24K. Việc mượn vàng ông L1 có thể chấp bằng khoán (quyền sử dụng đất) cho bà L. Một thời gian sau, ông L1 mượn lại bằng khoán để vay tiền ngân hàng 6.000.000 đồng. Sau đó, ông L1 có đến hỏi vay của bà L 30.000.000 đồng và có làm biên nhận nợ cho bà L. Đến năm 2009 thì bà L làm đơn tố cáo ông tại Công an tỉnh Kiên Giang cho rằng ông L1 lừa đảo của bà L số tiền 400.000.000 đồng và 11,5 chỉ vàng 24K. Tại Công an tỉnh, ông L1 xác nhận có nợ bà L số tiền 30.000.000 đồng và 08 chỉ vàng 24K nên ông tự nguyện đến Công an tỉnh Kiên Giang trả số tiền vàng trên cho bà L; bà L đã nhận tiền, vàng coi như xong. Nay ông L1 xác định không nợ tiền của bà L, yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của bà L.

**** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2020/DS-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:***

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thị L về việc đòi ông Danh L1 hoàn trả số tiền 429.000.000 đồng và 111 chỉ vàng 24K.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

**** Ngày 29/9/2020, bà Thị L có đơn kháng cáo với nội dung:***

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc ông Danh L1 trả lại số tiền 429.000.000 đồng và 111 chỉ vàng 24K.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Nguyên đơn bà Thị L và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - Luật sư Nguyễn Trần Thụy Q có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận kháng cáo của bà L. Buộc ông Danh L1 trả lại bà L số tiền 429.000.000 đồng và 111 chỉ vàng 24K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội

đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 – Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Thị L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2020/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Danh L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai và vắng mặt tại phiên tòa. HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 296 – Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Nguyên đơn bà Thị L khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Danh L1 hoàn trả 429.000.000 đồng và 111 chỉ vàng 24K; đây là số tiền, vàng ông L1 đã kêu bà L đưa để ông L1 thực hiện việc đi đòi lại số đất bà L bị thu hồi giao cho người khác sử dụng. Do ông Danh L1 không thực hiện như cam kết nên bà L đòi lại tài sản.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Danh L1 chỉ thừa nhận trước đó có hỏi mượn của bà L 08 chỉ vàng 24 K và 30.000.000 đồng. Sau khi bà L có đơn tố cáo đến cơ quan Công an tỉnh Kiên Giang thì ông L1 đã giao trả xong cho bà L 08 chỉ vàng 24K và 30.000.000 đồng tại Công an tỉnh Kiên Giang. Ông không đồng ý theo yêu cầu của bà L.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử không nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu ông L1 hoàn trả 429.000.000 đồng và 111 chỉ vàng 24K.

Bà L kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xem xét buộc ông Danh L1 trả lại số tiền 429.000.000 đồng và 111 chỉ vàng 24K.

Xét kháng cáo của bà Thị L, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy: Tại Công văn số 20/CSHS ngày 01/6/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang xác định: Nội dung yêu cầu của bà L đối với ông L1 là tranh chấp dân sự, qua làm việc ông L1 chỉ thừa nhận trong thời gian đi khiếu kiện thay cho bà L, ông L1 có mượn của bà L 30.000.000 đồng và 08 chỉ vàng 25K. Ngày 20/7/2011, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an

tỉnh Kiên Giang đã cho bà L và ông L1 thỏa thuận thì bà L thống nhất nhận lại số tiền 30.000.000 đồng và 08 chỉ vàng 24K.

Trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, ngoài lời trình bày của bà L và lời thừa nhận của ông L1 chỉ nhận của bà L 30.000.000 đồng và 08 chỉ vàng 24k, bà L không cung cấp được chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L kháng cáo nhưng cũng không cung cấp thêm chứng cứ gì chứng minh về việc bà đã giao cho ông L1 429.000.000 đồng và 111 chỉ vàng 24K, đồng thời về phía ông L1 cũng không thừa nhận đã nhận số tiền, vàng trên để đi khiếu kiện thay cho bà L, nên yêu cầu kháng cáo của bà L không có cơ sở để xem xét.

Từ những nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Kiên Giang không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Thị L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2020/DSST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

[3]. Về án phí:

Bị đơn bà Thị L, sinh năm 1939 thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án miễn tiền án phí cho bà Thị L.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Thị L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2020/DSST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thị L về việc đòi ông Danh L1 hoàn trả số tiền 429.000.000 đồng và 111 chỉ vàng 24K.

2. Về án phí dân sự: Miễn toàn bộ tiền án phí cho bà Thị L.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

Hoàng Thị Thu Hương